THPT Buôn Ma Thuột
Năm học 2019 - 2020
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Số 5

BUỔI SÁNG

Thực hiện từ ngày 10 tháng 02 năm 2020

THỨ	TIẾT	10A1 (Uyên)	10A2 (Nhi_Toan)	10A3 (Tâm_Sinh)	10A4 (M.Hương)	10B1 (Chi_AV)	10B2 (Lương)	10B3 (Nhung_Sử)	10B4 (Đ.Hoàng)	10B5 (My)	10B6 (Hằng_AV)
2	1	ChCờ - Uyên	ChCờ - Nhi_Toan	ChCờ - Tâm_Sinh	ChCờ - M.Hương	ChCờ - Chi_AV	ChCờ - Lương	ChCờ - Nhung_Sử	ChCờ - Đ.Hoàng	ChCờ - My	ChCờ - Hằng_AV
	2	SHL - Uyên	SHL - Nhi_Toan	SHL - Tâm_Sinh	SHL - M.Hương	SHL - Chi_AV	SHL - Lương	SHL - Nhung_Sử	SHL - Đ.Hoàng	SHL - My	SHL - Hằng_AV
	3	Địa - Tiến	CNghệ - K.Anh	Toán - Nhi_Toan	CNghệ - Tâm_Sinh	Anh - Chi_AV	Toán - Thái_HT	Văn - Mai	Toán - Khiết	Sử - Lương	Hóa - B.Tâm
	4	Toán - Phú	Toán - Nhi_Toan	Sử - Lộc	Văn - M.Hương	Toán - Khiết	Toán - Thái_HT	Văn - Mai	Anh - Huyền_AV	Sinh - K.Hương	Lí - Yên
	5	Toán - Phú	Toán - Nhi_Toan	Hóa - Uyên	Anh - Huyền_AV	Toán - Khiết	CNghệ - Tâm_Sinh	GDCD - Nhi_GDCD	CNghệ - K.Anh	Văn - My	Sinh - K.Hương
3	1	Sử - Nhung_Sử	Văn - Lan	Văn - Phụng	Toán - Trang_Toán	Văn - Nhân	Anh - Đạt	Địa - Thương	Hóa - Đ.Hoàng	Lí - H.Châu	Anh - Hằng_AV
	2	Anh - Phong	Anh - Chi_AV	Hóa - Uyên	Sử - Lộc	Văn - Nhân	Lí - Hào	Văn - Mai	Văn - Thùy	Địa - Thương	Anh - Hằng_AV
	3	Hóa - Uyên	Hóa - L.Hoàng	Địa - Tiến	Văn - M.Hương	Anh - Chi_AV	Văn - Thùy	Toán - Thành	Sử - Lộc	Sử - Lương	Hóa - B.Tâm
	4	Văn - Nhân	Sử - Lương	Sử - Lộc	Văn - M.Hương	Anh - Chi_AV	Văn - Thùy	Toán - Thành	Toán - Khiết	Hóa - Hà_Hóa	Hóa - B.Tâm
	5										
4	1	Hóa - Uyên	CNghệ - K.Anh	Toán - Nhi_Toan	Lí - Dũng_VL	Sử - Lương	Anh - Đạt	Lí - Sơn	Sử - Lộc	Anh - Hằng_AV	Toán - Điệp
	2	Sử - Nhung_Sử	Địa - Tiến	Toán - Nhi_Toan	Lí - Dũng_VL	GDCD - Nhi_GDCD	Sử - Lương	Hóa - P.Tâm	CNghệ - K.Anh	Lí - H.Châu	Toán - Điệp
	3	CNghệ - K.Anh	Toán - Nhi_Toan	Văn - Phụng	CNghệ - Tâm_Sinh	Lí - Dũng_VL	Sinh - Lành	Văn - Mai	GDCD - Nhi_GDCD	Lí - H.Châu	Sử - Lộc
	4	Lí - H.Châu	Toán - Nhi_Toan	Văn - Phụng	Toán - Trang_Toán	Văn - Nhân	Văn - Thùy	Anh - Đạt	Anh - Huyền_AV	Văn - My	Văn - Minh_Văn
	5	Lí - H.Châu	Lí - Tâm_VL	CNghệ - Tâm_Sinh	Toán - Trang_Toán	Hóa - Trang_Hóa	Văn - Thùy	Anh - Đạt	Anh - Huyền_AV	Văn - My	Anh - Hằng_AV
5	1	Anh - Phong	Toán - Nhi_Toan	Lí - Tịch	Sử - Lộc	Lí - Dũng_VL	GDCD - Nhi_GDCD	Sinh - Q.Châu	Văn - Thùy	CNghệ - K.Anh	Văn - Minh_Văn
	2	Anh - Phong	Sinh - Đ.Ngọc	Anh - Tâm_AV	Địa - Tiến	Sinh - Lành	Sử - Lương	CNghệ - K.Anh	Anh - Huyền_AV	Hóa - Hà_Hóa	Văn - Minh_Văn
	3	CNghệ - K.Anh	Hóa - L.Hoàng	Toán - Nhi_Toan	Lí - Dũng_VL	Sử - Lương	Toán - Thái_HT	Toán - Thành	Lí - Sơn	Hóa - Hà_Hóa	Sử - Lộc
	4	Sinh - Đ.Ngọc	Sử - Lương	Toán - Nhi_Toan	Hóa - L.Hoàng	Địa - Thương	Toán - Thái_HT	Toán - Thành	Toán - Khiết	GDCD - Nhi_GDCD	CNghệ - K.Anh
	5										
6	1	Văn - Nhân	Văn - Lan	GDCD - Nhi_GDCD	Sinh - Tâm_Sinh	Hóa - Trang_Hóa	Hóa - Dung	Hóa - P.Tâm	Sinh - Q.Châu	Anh - Hằng_AV	CNghệ - K.Anh
	2	Văn - Nhân	Văn - Lan	Lí - Tịch	Toán - Trang_Toán	Toán - Khiết	CNghệ - Tâm_Sinh	Anh - Đạt	Lí - Sơn	Anh - Hằng_AV	Địa - Thương
	3	Lí - H.Châu	GDCD - Loan_GDCD	CNghệ - Tâm_Sinh	Toán - Trang_Toán	Toán - Khiết	Địa - Thương	Anh - Đạt	Văn - Thùy	CNghệ - K.Anh	Toán - Điệp
	4	Toán - Phú	Lí - Tâm_VL	Anh - Tâm_AV	Anh - Huyền_AV	Anh - Chi_AV	Anh - Đạt	Sử - Nhung_Sử	Văn - Thùy	Toán - Thái	Toán - Điệp
	5	GDCD - Loan_GDCD	Lí - Tâm_VL	Anh - Tâm_AV	Anh - Huyền_AV	CNghệ - Tâm_Sinh	Anh - Đạt	Lí - Sơn	Toán - Khiết	Toán - Thái	Lí - Yên
7	1	Toán - Phú	Anh - Chi_AV	Sinh - Tâm_Sinh	Hóa - L.Hoàng	Văn - Nhân	Hóa - Dung	CNghệ - K.Anh	Địa - Thương	Toán - Thái	GDCD - Nhi_GDCD
	2	Toán - Phú	Anh - Chi_AV	Lí - Tịch	GDCD - Nhi_GDCD	CNghệ - Tâm_Sinh	Lí - Hào	Sử - Nhung_Sử	Hóa - Đ.Hoàng	Toán - Thái	Lí - Yên
	3										
	4										
	5										

THPT Buôn Ma Thuột
Năm học 2019 - 2020
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Số 5

BUỔI SÁNG

Thực hiện từ ngày 10 tháng 02 năm 2020

THỨ	TIẾT	10B7 (Tâm_AV)	10B8 (Giang)	10B9 (Thành)	10B10 (Quỳnh_Hóa)	11A1 (Huy)	11A2 (Hoang Anh)	11A3 (Đ.Ngọc)	11A4 (N.Thủy)	11B1 (Chi_Van)	11B2 (Lâm)
2	1	ChCờ - Tâm_AV	ChCờ - Giang	ChCờ - Thành	ChCờ - Quỳnh_Hóa	ChCờ - Huy	ChCờ - Hoang Anh	ChCờ - Đ.Ngọc	ChCờ - N.Thủy	ChCờ - Chi_Van	ChCờ - Lâm
	2	SHL - Tâm_AV	SHL - Giang	SHL - Thành	SHL - Quỳnh_Hóa	SHL - Huy	SHL - Hoang Anh	SHL - Đ.Ngọc	SHL - N.Thủy	SHL - Chi_Van	SHL - Lâm
	3	Hóa - Uyên	Lí - Lý	Sử - Lộc	Hóa - Quỳnh_Hóa	Sinh - Cường	Anh - Hoang Anh	Lí - Hào	Lí - Tòng	Lí - Dũng_VL	Anh - Hoa
	4	Anh - Tâm_AV	Anh(Pháp) - Giang, Phong	Anh - Hằng_AV	Văn - Phụng	Anh - Chi_AV	Lí - Dũng_VL	Lí - Hào	Địa - Hner	Toán - Huy	Anh - Hoa
	5	Anh - Tâm_AV	Văn - Phụng	Anh - Hằng_AV	Toán - Huy	Anh - Chi_AV	Địa - Hner	Sinh - Đ.Ngọc	Toán - N.Thủy	Anh - Phong	Hóa - Trang_Hóa
3	1	Lí - Lý	Toán - Trần Thuỷ	Toán - Thành	Sử - Lộc	Toán - Huy	Anh - Hoang Anh	Toán - Dần	Văn - Mai	CNghệ - Hưng	Sử - Hải
	2	Sử - Nhung_Sử	Toán - Trần Thuỷ	Toán - Thành	Anh - Oanh_AV	Hóa - B.Tâm	Anh - Hoang Anh	Toán - Dần	Hóa - Đ.Hoàng	Toán - Huy	CNghệ - Chi_KTCN
	3	Văn - Lan	Sinh - Q.Châu	Anh - Hằng_AV	Toán - Huy	CNghệ - Hưng	Hóa - Đ.Hoàng	Anh - Oanh_AV	Sử - Nhung_Sử	Anh - Phong	GDCD - Loan_GDCD
	4	Văn - Lan	Sử - Nhung_Sử	Hóa - P.Tâm	Toán - Huy	Sử - Hải	Hóa - Đ.Hoàng	Lí - Hào	Anh - Oanh_AV	Văn - Chi_Van	Sinh - Q.Châu
	5					Địa - Hner	CNghệ - Hưng	CNghệ - Hào	Anh - Oanh_AV		
4	1	Địa - Thương	Sinh - Q.Châu	Văn - Phụng	CNghệ - Yến	Hóa - B.Tâm	Văn - Thùy	Toán - Dần	Văn - Mai	Toán - Huy	Lí - Tịch
	2	Hóa - Uyên	Địa - Thương	Văn - Phụng	Lí - Huyền_VL	Văn - Huệ	Văn - Thùy	Toán - Dần	Văn - Mai	Hóa - Trang_Hóa	Anh - Hoa
	3	Toán - Thái	Anh(Pháp) - Giang, Phong	CNghệ - Yến	Anh - Oanh_AV	Toán - Huy	Toán - Dần	Hóa - B.Tâm	Lí - Tòng	Sinh - Q.Châu	Anh - Hoa
	4	Toán - Thái	Anh(Pháp) - Giang, Phong	Sử - Lộc	Sinh - Lành	Toán - Huy	Toán - Dần	Sinh - Đ.Ngọc	Lí - Tòng	Lí - Dũng_VL	Văn - Huệ
	5	Anh - Tâm_AV	CNghệ - K.Anh	Lí - Huyền_VL	Toán - Huy	Lí - Sơn	Lí - Dũng_VL	Địa - Hner	Sinh - Đ.Ngọc	Văn - Chi_Van	Văn - Huệ
5	1	Toán - Thái	Hóa - L.Hoàng	Toán - Thành	Hóa - Quỳnh_Hóa	Lí - Sơn	Sinh - Cường	Văn - Huệ	Toán - N.Thủy	Toán - Huy	CNghệ - Chi_KTCN
	2	Toán - Thái	Hóa - L.Hoàng	Toán - Thành	Lí - Huyền_VL	Sinh - Cường	Lí - Dũng_VL	Văn - Huệ	Toán - N.Thủy	Sinh - Q.Châu	Địa - Thương
	3	GDCD - Nhi_GDCD	Toán - Trần Thuỷ	Sinh - Lành	Địa - Tiến	Toán - Huy	CNghệ - Hưng	Toán - Dần	Sinh - Đ.Ngọc	Văn - Chi_Van	Văn - Huệ
	4	Văn - Lan	Toán - Trần Thuỷ	Lí - Huyền_VL	Sử - Lộc	Toán - Huy	Toán - Dần	CNghệ - Hào	CNghệ - Hưng	Văn - Chi_Van	Sinh - Q.Châu
	5										
6	1	Sinh - K.Hương	Hóa - L.Hoàng	CNghệ - Yến	Văn - Phụng	Hóa - B.Tâm	Sử - Nhung_Sử	Văn - Huệ	Anh - Oanh_AV	GDCD - Loan_GDCD	Toán - Lâm
	2	Sử - Nhung_Sử	CNghệ - K.Anh	Sinh - Lành	Văn - Phụng	CNghệ - Hưng	Toán - Dần	Sử - Hải	Hóa - Đ.Hoàng	Hóa - Trang_Hóa	Toán - Lâm
	3	Lí - Lý	Văn - Phụng	Hóa - P.Tâm	CNghệ - Yến	GDCD - Nhung_GDCD	Toán - Dần	Hóa - B.Tâm	Hóa - Đ.Hoàng	Anh - Phong	Lí - Tịch
	4	Lí - Lý	Văn - Phụng	Hóa - P.Tâm	GDCD - Loan_GDCD	Lí - Sơn	Hóa - Đ.Hoàng	Hóa - B.Tâm	Toán - N.Thủy	Anh - Phong	Văn - Huệ
	5	CNghệ - K.Anh	Lí - Lý	Văn - Phụng	Anh - Oanh_AV	Anh - Chi_AV	Văn - Thùy	GDCD - Nhung_GDCD	Toán - N.Thủy	Địa - Thương	Hóa - Trang_Hóa
7	1	Hóa - Uyên	Sử - Nhung_Sử	GDCD - Loan_GDCD	Hóa - Quỳnh_Hóa	Văn - Huệ	GDCD - Nhung_GDCD	Anh - Oanh_AV	CNghệ - Hưng	Sử - Hải	Toán - Lâm
	2	CNghệ - K.Anh	GDCD - Loan_GDCD	Địa - Thương	Sinh - Lành	Văn - Huệ	Sinh - Cường	Anh - Oanh_AV	GDCD - Nhung_GDCD	CNghệ - Hưng	Toán - Lâm
	3										
	4										
	5										

THPT Buôn Ma Thuột
Năm học 2019 - 2020
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Số 5

BUỔI SÁNG

Thực hiện từ ngày 10 tháng 02 năm 2020

THỨ	TIẾT	11B3 (Hà_Hóa)	11B4 (Dũng_AV)	11B5 (Hner)	11B6 (Oanh)	11B7 (Hào)	11B8 (L.Thủy)	11B9 (Huyền_VL)	12A1 (Yên)	12A2 (Phú)	12A3 (Trần Thuỷ)
2	1	ChCờ - Hà_Hóa	ChCờ - Dũng_AV	ChCờ - Hner	ChCờ - Oanh	ChCờ - Hào	ChCờ - L.Thủy	ChCờ - Huyền_VL	ChCờ - Yên	ChCờ - Phú	ChCờ - Trần Thuỷ
	2	SHL - Hà_Hóa	SHL - Dũng_AV	SHL - Hner	SHL - Oanh	SHL - Hào	SHL - L.Thủy	SHL - Huyền_VL	SHL - Yên	SHL - Phú	SHL - Trần Thuỷ
	3	Sử - Nhung_Sử	Anh - Dũng_AV	Toán - N.Thủy	Anh(Pháp) - Oanh, Hằng_AV	Hóa - Hà_Hóa	Lí - Huyền_VL	Sinh - Đ.Ngọc	CNghệ - Yên	Sinh - K.Hương	Văn - M.Hương
	4	Hóa - Hà_Hóa	Anh - Dũng_AV	Anh - Hoang Anh	Hóa - Đ.Hoàng	Toán - Lâm	Hóa - Quỳnh_Hóa	CNghệ - Huyền_VL	GDCD - Nhi_GDCD	Hóa - Uyên	Toán - Trần Thuỷ
	5	Anh - Hoa	Hóa - Hà_Hóa	Hóa - Quỳnh_Hóa	Hóa - Đ.Hoàng	Toán - Lâm	Văn - Mai	Lí - Huyền_VL	Địa - Tiến	Lí - Yên	Toán - Trần Thuỷ
3	1	Sinh - Q.Châu	Toán - L.Thủy	Sinh - Yến	Văn - Huệ	CNghệ - Hào	Anh - Oanh_AV	GDCD - Loan_GDCD	Hóa - Uyên	Sử - Lương	Sinh - Cường
	2	Toán - Trang_Toán	Toán - L.Thủy	GDCD - Loan_GDCD	Văn - Huệ	Hóa - Hà_Hóa	Sinh - Yến	Văn - Phụng	Sinh - K.Hương	Anh - Đạt	Địa - Tiến
	3	Văn - Huệ	Anh - Dũng_AV	Địa - Hner	Toán - Trang_Toán	Toán - Lâm	Toán - L.Thủy	Sử - Hải	Toán - Dần	Anh - Đạt	Anh - Hoang Anh
	4	Văn - Huệ	Văn - Mai	CNghệ - Hưng	GDCD - Loan_GDCD	Toán - Lâm	Địa - Thương	Toán - L.Thủy	Toán - Dần	Toán - Phú	Hóa - L.Hoàng
	5										
4	1	Văn - Huệ	Sử - Nhung_Sử	Hóa - Quỳnh_Hóa	Toán - Trang_Toán	Sinh - Đ.Ngọc	Anh - Oanh_AV	CNghệ - Huyền_VL	Văn - Nhân	Toán - Phú	Địa - Tiến
	2	Toán - Trang_Toán	Sinh - Q.Châu	Anh - Hoang Anh	Lí - Ngọc_VL	GDCD - Loan_GDCD	Anh - Oanh_AV	Sinh - Đ.Ngọc	Văn - Nhân	Toán - Phú	Sử - Lộc
	3	Toán - Trang_Toán	Lí - Tịch	Anh - Hoang Anh	Anh(Pháp) - Oanh, Hằng_AV	Địa - Thương	GDCD - Loan_GDCD	Hóa - Quỳnh_Hóa	Anh - Tâm_AV	Địa - Tiến	Văn - M.Hương
	4	Anh - Hoa	Lí - Tịch	Sử - Nhung_Sử	Anh(Pháp) - Oanh, Hằng_AV	Văn - Mai	CNghệ - Huyền_VL	Hóa - Quỳnh_Hóa	Lí - Yên	Hóa - Uyên	Văn - M.Hương
	5	Anh - Hoa	GDCD - Loan_GDCD	Văn - Phụng	Sinh - Yến	Văn - Mai	Hóa - Quỳnh_Hóa	Anh - Oanh_AV	Địa - Tiến	Lí - Yên	Lí - Ngọc_VL
5	1	CNghệ - Hưng	Hóa - Hà_Hóa	Văn - Phụng	Địa - Thương	Sinh - Đ.Ngọc	Lí - Huyền_VL	Toán - L.Thủy	Toán - Dần	Địa - Tiến	Lí - Ngọc_VL
	2	Anh - Hoa	CNghệ - Hưng	Văn - Phụng	Lí - Ngọc_VL	CNghệ - Hào	Toán - L.Thủy	Hóa - Quỳnh_Hóa	Toán - Dần	GDCD - Nhi_GDCD	Toán - Trần Thuỷ
	3	Sinh - Q.Châu	Địa - Thương	Hóa - Quỳnh_Hóa	Lí - Ngọc_VL	Lí - Hào	Toán - L.Thủy	Văn - Phụng	Anh - Tâm_AV	Văn - My	Anh - Hoang Anh
	4	Lí - Tịch	Toán - L.Thủy	Lí - Ngọc_VL	Văn - Huệ	Hóa - Hà_Hóa	Sử - Hải	Văn - Phụng	Anh - Tâm_AV	Văn - My	Anh - Hoang Anh
	5										
6	1	Toán - Trang_Toán	Lí - Tịch	Lí - Ngọc_VL	CNghệ - Chi_KTCN	Anh - Dũng_AV	Văn - Mai	Địa - Thương	Toán - Dần	Toán - Phú	Toán - Trần Thuỷ
	2	GDCD - Loan_GDCD	Sinh - Q.Châu	Lí - Ngọc_VL	Sinh - Yến	Anh - Dũng_AV	Văn - Mai	Toán - L.Thủy	Lí - Yên	Toán - Phú	Toán - Trần Thuỷ
	3	Văn - Huệ	CNghệ - Hưng	Toán - N.Thủy	Sử - Hải	Văn - Mai	Toán - L.Thủy	Anh - Oanh_AV	Văn - Nhân	CNghệ - Yên	GDCD - Nhi_GDCD
	4	Địa - Thương	Văn - Mai	CNghệ - Hưng	Toán - Trang_Toán	Sử - Hải	Sinh - Yến	Anh - Oanh_AV	Sinh - K.Hương	Lí - Yên	Lí - Ngọc_VL
	5	CNghệ - Hưng	Văn - Mai	Sinh - Yến	Toán - Trang_Toán				Sử - Hải	Sinh - K.Hương	CNghệ - Tịch
7	1	Lí - Tịch	Hóa - Hà_Hóa	Toán - N.Thủy	Hóa - Đ.Hoàng	Lí - Hào	CNghệ - Huyền_VL	Toán - L.Thủy	Lí - Yên	Anh - Đạt	Sinh - Cường
	2	Hóa - Hà_Hóa	Toán - L.Thủy	Toán - N.Thủy	CNghệ - Chi_KTCN	Anh - Dũng_AV	Hóa - Quỳnh_Hóa	Lí - Huyền_VL	Hóa - Uyên	Văn - My	Hóa - L.Hoàng
	3										
	4										
	5										

THPT Buôn Ma Thuột
Năm học 2019 - 2020
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Số 5

BUỔI SÁNG

Thực hiện từ ngày 10 tháng 02 năm 2020

THỨ	TIẾT	12A4 (Hoa)	12B1 (Lan)	12B2 (B.Tâm)	12B3 (Minh_Văn)	12B4 (Lý)	12B5 (Dung)	12B6 (Sâm_Lý)	12B7 (Nhung_GDCD)	12B8 (Cường)	12B9 (Trang_Hóa)
2	1	ChCờ - Hoa	ChCờ - Lan	ChCờ - B.Tâm	ChCờ - Minh_Văn	ChCờ - Lý	ChCờ - Dung	ChCờ - Sâm_Lý	ChCờ - Nhung_GDCD	ChCờ - Cường	ChCờ - Trang_Hóa
	2	SHL - Hoa	SHL - Lan	SHL - B.Tâm	SHL - Minh_Văn	SHL - Lý	SHL - Dung	SHL - Sâm_Lý	SHL - Nhung_GDCD	SHL - Cường	SHL - Trang_Hóa
	3	Toán - Trần Thuỷ	Văn - Lan	GDCD - Nhi_GDCD	Văn - Minh_Văn	Hóa - Trang_Hóa	Anh - Tâm_AV	Văn - My	Anh(Pháp) - Giang, Phong	Anh - Huyền_AV	Toán - Tuấn_Toán
	4	Địa - Tiến	Văn - Lan	Văn - Nhân	Hóa - B.Tâm	Lí - Lý	GDCD - Nhung_GDCD	Văn - My	Địa - Thảo_Địa	Sinh - Cường	Văn - Chi_Van
	5	Sinh - Cường	Lí - Dũng_VL	Văn - Nhân	Địa - Thảo_Địa	CNghệ - Lý	Sử - Lương	Sử - Lộc	Hóa - Dung	GDCD - Nhung_GDCD	Văn - Chi_Van
3	1	Hóa - L.Hoàng	Anh - Phong	Hóa - B.Tâm	Toán - Điệp	Văn - M.Hương	Văn - Thùy	Địa - Thảo_Địa	Toán - Thái	CNghệ - Chi_KTCN	Địa - Hner
	2	Sinh - Cường	Văn - Lan	Địa - Thảo_Địa	Toán - Điệp	Toán - Phú	Toán - Khiết	Hóa - P.Tâm	Toán - Thái	Sử - Lương	Văn - Chi_Van
	3	Toán - Trần Thuỷ	Toán - Điệp	Anh - Hồng	Địa - Thảo_Địa	Toán - Phú	Lí - Lý	Toán - Khiết	Văn - Chi_Van	Toán - Thái	Sinh - Yến
	4	Toán - Trần Thuỷ	Toán - Điệp	Anh - Hồng	Anh - Đạt	Địa - Thảo_Địa	CNghệ - Lý	Anh - Hoang Anh	Sinh - Yến	Toán - Thái	Toán - Tuấn_Toán
	5										
4	1	Văn - Minh_Văn	Hóa - P.Tâm	Lí - Sâm_Lý	GDCD - Nhi_GDCD	Văn - M.Hương	Địa - Thảo_Địa	Anh - Hoang Anh	Anh(Pháp) - Giang, Phong	Toán - Thái	Anh - Hoa
	2	Văn - Minh_Văn	CNghệ - Tịch	Hóa - B.Tâm	Lí - Sơn	Anh - Huyền_AV	Toán - Khiết	Lí - Sâm_Lý	Anh(Pháp) - Giang, Phong	Toán - Thái	Địa - Hner
	3	Lí - Ngọc_VL	Địa - Thảo_Địa	Văn - Nhân	Anh - Đạt	Anh - Huyền_AV	Văn - Thùy	Văn - My	Sử - Lương	Lí - Sơn	Hóa - Trang_Hóa
	4	Lí - Ngọc_VL	GDCD - Nhi_GDCD	Sử - Lương	Toán - Điệp	Toán - Phú	Sinh - Tâm_Sinh	Toán - Khiết	Địa - Thảo_Địa	Lí - Sơn	CNghệ - Tâm_VL
	5	GDCD - Nhi_GDCD	Sử - Lộc	Địa - Thảo_Địa	Toán - Điệp	Toán - Phú	Hóa - Dung	Toán - Khiết			
5	1	Anh - Hoa	Sinh - Lành	Toán - Điệp	Sử - Lương	Văn - M.Hương	Anh - Tâm_AV	Anh - Hoang Anh	Văn - Chi_Van	Văn - Lan	Sử - Hải
	2	CNghệ - Tịch	Hóa - P.Tâm	Toán - Điệp	Lí - Sơn	Văn - M.Hương	Toán - Khiết	Anh - Hoang Anh	Văn - Chi_Van	Văn - Lan	Lí - Tâm_VL
	3	Văn - Minh_Văn	Anh - Phong	Anh - Hồng	CNghệ - Tịch	Sử - Hải	Văn - Thùy	Toán - Khiết	GDCD - Nhung_GDCD	Anh - Huyền_AV	Anh - Hoa
	4	Địa - Tiến	Lí - Dũng_VL	Anh - Hồng	Văn - Minh_Văn	Sinh - Lành	Văn - Thùy	GDCD - Nhung_GDCD	Lí - Sơn	Anh - Huyền_AV	Anh - Hoa
	5										
6	1	Sử - Hải	Anh - Phong	Toán - Điệp	Anh - Đạt	Địa - Thảo_Địa	Anh - Tâm_AV	CNghệ - Lý	Toán - Thái	Lí - Sơn	GDCD - Nhung_GDCD
	2	Hóa - L.Hoàng	Anh - Phong	Toán - Điệp	Hóa - B.Tâm	Anh - Huyền_AV	Anh - Tâm_AV	Hóa - P.Tâm	Toán - Thái	Địa - Thảo_Địa	Lí - Tâm_VL
	3	Lí - Ngọc_VL	Văn - Lan	Sinh - Lành	Văn - Minh_Văn	Anh - Huyền_AV	Hóa - Dung	Địa - Thảo_Địa	Lí - Sơn	Hóa - Trang_Hóa	Lí - Tâm_VL
	4	Toán - Trần Thuỷ	Địa - Thảo_Địa	CNghệ - Tịch	Văn - Minh_Văn	GDCD - Nhi_GDCD	Toán - Khiết	Sinh - Tâm_Sinh	Hóa - Dung	Văn - Lan	Hóa - Trang_Hóa
	5	Toán - Trần Thuỷ									
7	1	Anh - Hoa	Toán - Điệp	Lí - Sâm_Lý	Sinh - Lành	Hóa - Trang_Hóa	Lí - Lý	Văn - My	CNghệ - Chi_KTCN	Địa - Thảo_Địa	Toán - Tuấn_Toán
	2	Anh - Hoa	Toán - Điệp	Văn - Nhân	Anh - Đạt	Lí - Lý	Địa - Thảo_Địa	Lí - Sâm_Lý	Hóa - Dung	Hóa - Trang_Hóa	Toán - Tuấn_Toán
	3										
	4										
	5										

THPT Buôn Ma Thuột
Năm học 2019 - 2020
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Số 5

BUỔI SÁNG

Thực hiện từ ngày 10 tháng 02 năm 2020

THỨ	TIẾT	12B10 (Tâm_VL)	12B11 (H.Châu)	12B12 (K.Hương)							
2	1	ChCờ - Tâm_VL	ChCờ - H.Châu	ChCờ - K.Hương							
	2	SHL - Tâm_VL	SHL - H.Châu	SHL - K.Hương							
	3	Lí - Tâm_VL	Địa - Hner	Hóa - Dung							
	4	Văn - Minh_Văn	Toán - Tuấn_Toán	Hóa - Dung							
	5	CNghệ - Tâm_VL	Toán - Tuấn_Toán	Anh - Dũng_AV							
3	1	Hóa - P.Tâm	Văn - Chi_Van	Sinh - K.Hương							
	2	Toán - Tuấn_Toán	CNghệ - H.Châu	Anh - Dũng_AV							
	3	Toán - Tuấn_Toán	Hóa - P.Tâm	Lí - H.Châu							
	4	Anh - Dũng_AV	Địa - Hner	CNghệ - H.Châu							
	5										
4	1	Địa - Hner	Lí - H.Châu	Văn - My							
	2	Sinh - Yến	Toán - Tuấn_Toán	Văn - My							
	3	Toán - Tuấn_Toán	Văn - Chi_Van	Địa - Hner							
	4	Toán - Tuấn_Toán	Văn - Chi_Van	Hóa - Dung							
	5										
5	1	Hóa - P.Tâm	GDCD - Nhung_GDCD	Văn - My							
	2	GDCD - Nhung_GDCD	Sử - Lộc	Sử - Hải							
	3	Lí - Tâm_VL	Hóa - P.Tâm	Toán - Tuấn_Toán							
	4	Lí - Tâm_VL	Hóa - P.Tâm	Toán - Tuấn_Toán							
	5										
6	1	Văn - Minh_Văn	Anh - Ngân	Lí - H.Châu							
	2	Văn - Minh_Văn	Toán - Tuấn_Toán	GDCD - Nhung_GDCD							
	3	Anh - Dũng_AV	Sinh - K.Hương	Toán - Tuấn_Toán							
	4	Anh - Dũng_ZAV	Lí - H.Châu	Toán - Tuấn_Toán							
	5										
7	1	Địa - Hner	Anh - Ngân	Anh - Dũng_AV							
	2	Sử - Hải	Anh - Ngân	Địa - Hner							
	3										
	4										
	5										